

Bản án số: 445/2023/HS-PT
Ngày: 10-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Duẩn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 532/2023/TLPT-HS ngày 01/8/2022, đối với bị cáo Nguyễn Đức T và bị cáo Lê Thị N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1000/2023/QĐPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2023.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 07/5/1985, tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký thường trú: xóm X, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1965; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là thứ nhất; Có vợ tên Lê Thị N, sinh năm 1986 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con tên Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 2009 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 09/L-CSHS (Đ5) ngày 29/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Thị N**, sinh ngày 16/02/1986, tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký thường trú: xóm X, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: lớp

7/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C, sinh năm 1962 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1962; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là thứ hai; Có chồng tên Nguyễn Đức T, sinh năm 1985 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con tên Nguyễn Thị Ánh N1, sinh năm 2009 và Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/01/2021 đến ngày 29/01/2021 được hủy bỏ lệnh giam theo Quyết định số 1230/QĐPC-VKS-P2 ngày 29/01/2021. Bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 08/L-CSHS (Đ5) ngày 29/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ (có mặt).

- *Người bào chữa cho hai bị cáo:* Ông Nguyễn Hoàng M, là Luật sư của Văn phòng L1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn D, Hồ Đăng H1 và Nguyễn Văn M1 bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Q, Nguyễn Văn M1, Trần Văn D và Hồ Đăng H1 có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An cùng đến tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Q và M1 có tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; D có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo Q, M1, D và H1 đều không có nghề nghiệp ổn định, nên cùng nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của các Công ty trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Bình Dương mang bán lấy tiền tiêu xài. Từ ngày 07/01/2021 đến ngày 15/01/2021 Q đã nhiều lần rủ rê và bàn bạc với M1, D, H1 chuẩn bị kim cương, dao, bút thử điện ... và sử dụng xe mô tô chở nhau đi tìm các Công ty sơ hở, mất cảnh giác để đột nhập vào trộm cắp tài sản rồi mang đến cơ sở mua bán phế liệu tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán cho các bị can Nguyễn Đức T và Lê Thị N. T và N biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 07/01/2021, Q sử dụng xe mô tô biển số 94E1-311.30 chở D và H1 đến đường số A, khu công nghiệp B, tỉnh Đồng Nai. H1 đứng ở ngoài cánh giới để Q và D trèo tường rào vào Công ty F để trộm cắp dây cáp điện nhưng không tìm thấy nên Q và D đi ra và trèo rào vào Công ty TNHH Đ1 cắt trộm 08 (tám) sợi dây cáp điện (loại 36 lõi, dài khoảng 12m/sợi), trị giá 30.248.400 đồng rồi mang ra ngoài giao cho H1 chở đến cơ sở phế liệu tại ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai bán cho vợ chồng Nguyễn Đức T và Lê Thị N lấy 3.000.000 đồng tiêu xài.

Lần thứ hai: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 08/01/2021, Q sử dụng xe mô tô biển số 94E1- 331.30 chở D, còn H1 điều khiển xe mô tô biển số 37P1-723.47

chở M1 tiếp tục đến Công ty TNHH Đ1 để trộm cắp dây cáp điện. H1 và D đứng ở ngoài cảnh giới, còn Q và M1 trèo rào vào trong công ty cắt trộm 08 (tám) sợi dây cáp điện (36 lõi, dài khoảng 45m/sợi), trị giá 95.462. 096 đồng rồi mang ra ngoài cho H1 và D chở đến bán cho vợ chồng T, N lấy 15.000.000 đồng, chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng cùng nhau tiêu xài ăn uống chung.

Lần thứ ba: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 15/01/2021, Q sử dụng xe mô tô biển số 94E1-331.30 chở D và H1 đến Công ty TNHH T3, KP7, phường L, thành phố B. H1 đứng ở ngoài cảnh giới, con Q và D trèo rào vào trong Công ty cắt trộm 05m dây cáp điện (không rõ hiệu và giá trị), rồi mang ra ngoài cho H1 chở đến bán cho vợ chồng T, N lấy 2.500.000 đồng, chia nhau tiêu xài.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra các bị cáo Q, D, H1 còn khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 20/12/2020, Q sử dụng xe mô tô Wave màu trắng biển số 94E1-311.30 chở D và H1 đến kho ngoại quan Công ty T4 tại số I, đường G, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương để trộm cắp. H1 đứng ở ngoài cảnh giới, Q và D mang theo dụng cụ trèo qua tường rào vào Công ty T4 cắt trộm khoảng 10m dây cáp điện 3 pha (không rõ hiệu và giá trị), rồi mang ra ngoài cho H1 chở đến bán cho vợ chồng Nguyễn Đức T và Lê Thị N lấy 4.000.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Ngày 29/01/2021, Công an tỉnh Đ khởi tố vụ án hình sự và khởi tố các bị cáo để điều tra, xử lý. Quá trình điều tra các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 02 kìm cắt bằng kim loại màu đen, dài kìm cắt khoảng 35cm, tay cầm bọc cao su màu đỏ; 01 dao rọc giấy vỏ màu xanh dài khoảng 17cm, phần lưỡi nhọn dài khoảng 10cm; 01 bút thử điện màu xanh, đen, trắng dài khoảng 15cm; 01 van mở khóa xe máy hình chữ L bằng kim loại màu bạc, có ghi chữ GS Rebel 8mm; 01 mỏ lết bằng kim loại màu bạc, có ghi chữ Max top USA 17mm; 01 mỏ lết bằng kim loại màu bạc, có ghi chữ YeTi USA Standard 19; 01 sợi dây dù màu xanh dài khoảng 6,4m; 01 xe mô tô Wave màu trắng, biển số 94E1-331.30, số máy: JA39E 0338332; 01 xe mô tô biển số 37P 1-723.47; 01 điện thoại di động C21 màu đen, 01 điện thoại di động Samsung màu đen của Nguyễn Văn M1; 01 điện thoại Oppo màu đen tím của Hồ Đăng H1; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro, 01 xe mô tô biển số 37F1-673.14 của Trần Văn D; 14 kg dây đồng các loại và 06 vỏ dây điện (05 vỏ dây màu trắng, 01 vỏ dây màu đen) của Nguyễn Đức T (đã giao trả).

Đối với số lượng dây cáp điện trộm cắp do bị cáo Hồ Đăng H1, Trần Văn D mang đến bán. Vợ chồng Nguyễn Đức T và Lê Thị N đã tách vỏ nhựa lấy lõi đồng bán cho người không rõ lai lịch, thu lợi bất chính 4.000.000 đồng, nên Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ không thu giữ được.

Tại các Biên bản xác minh địa điểm các bị cáo Q, M1, D và H1 thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã xác định hiện

trường xảy ra tại: Công ty F và Công ty TNHH Đ1, đường số A, khu công nghiệp B thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Công ty TNHH T3, KP7, phường L, thành phố B và Công ty T4 tại số I, đường G, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 20/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận:

1. 08 sợi dây cáp điện nhãn hiệu CV150mm2 trị giá 95.462. 096 đồng.
2. 07 sợi dây cáp điện nhãn hiệu CV150mm2-0,6/1KV trị giá 26.930.400 đồng.
3. 01 sợi dây cáp điện nhãn hiệu CV150mm2-0,6/1KV trị giá 3.318.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH Đ1 yêu cầu bồi thường thiệt hại 251.426.360 đồng. Hiện các bị cáo chưa bồi thường.

Đối với hành vi trộm cắp dây cáp điện tại Công ty T3. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã điều tra, xác minh, nhưng Công ty T3 chưa hoạt động nên chưa có căn cứ xác định trị giá tài sản bị mất trộm cắp. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục xác minh thu thập tài liệu chứng cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Công ty T4, xảy ra tại thành phố D, tỉnh Bình Dương, qua xác minh làm việc Công ty T4 khai báo không bị mất trộm dây cáp điện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã thông báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương để phối hợp điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Cáo trạng số 886/CT-VKS-P2 ngày 11/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn M1, Trần Văn D, Hồ Đăng H1 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173; truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Thị N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội có” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 29/01/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn D, Hồ Đăng H1 và Nguyễn Văn M1; tuyên về trách nhiệm bồi thường, về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/6/2022, các bị cáo Nguyễn Đức T và Lê Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đức T, Lê Thị N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tội danh: Các bị cáo T và N biết rõ số lượng dây cáp điện mà các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn D, Hồ Đăng H1 và Nguyễn Văn M1 bán cho hai bị cáo là tài sản do các bị cáo này trộm cắp mà có, nhưng hai bị cáo vẫn mua và đem tiêu thụ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo T, N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo quy định tại khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Bản án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo T, L không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo T và N phát biểu ý kiến như sau:

- Về tội danh: Luật sư thống nhất về tội danh đối với hai bị cáo và không tranh luận.

- Về hình phạt: Kết luận định giá tài sản số 43 ngày 20/01/2021 xác định giá trị dây cáp điện mà các bị cáo mua 125.710.496 đồng là không chính xác, vì khi các bị cáo mua thì các dây cáp này đã bị cắt thành nhiều đoạn nhỏ, không còn nguyên như giá trị ban đầu. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo N và T yêu cầu được nộp tiền bồi thường, nhưng không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử cho phép hai bị cáo nộp tiền khắc phục hậu quả, cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T bị bệnh tâm thần, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, N, giảm nhẹ hình phạt và cho hai bị cáo được hưởng án treo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo T, N xin giảm nhẹ hình phạt và cho hai bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức T và Lê Thị N làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Thị N:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị N tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn M1, Trần Văn D và Hồ Đăng H1; phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với Kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐĐGTS ngày 20/01/2021; đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy có đủ căn cứ pháp lý để kết luận:

Từ ngày 07/01/2021 đến ngày 15/01/2021, Lê Thị N biết rõ 16 đoạn dây cáp điện (dài 57m) có tổng trị giá 125.710.496 (một trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi sáu) đồng là tài sản do các bị cáo Trần Văn Q, Nguyễn Văn M1, Trần Văn D và Hồ Đăng H1 trộm cắp mà có được, nhưng bị cáo N vẫn mua để bán phế liệu.

Bị cáo N là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được việc không hứa hẹn, nhưng biết rõ tài sản do phạm tội có được mà vẫn tiến hành mua bán là phạm tội và sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người bị hại, gây khó khăn cho cơ quan chức năng khi điều tra vụ việc. Hành vi nêu trên của bị cáo N đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, với tình tiết định khung tăng nặng “*Tài sản, vật phạm pháp có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo N theo quy định tại khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không xác định hành vi của bị cáo N thuộc điểm nào của khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo N phạm tội nhiều lần nên bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Bị cáo N có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi hai con còn nhỏ, đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính, nên bản án sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Nhận thấy khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm đã xem xét nhân thân, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt và tuyên phạt bị cáo N 03 năm tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất mức độ của hành vi. Xét thấy, 02 người ông (là em ruột của ông nội của bị cáo) là Liệt sỹ theo tài liệu mà bị

cáo N cung cấp tại phiên toà phúc thẩm, không phải là cha, mẹ, chồng của bị cáo N. Do đó, việc bị cáo N và Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo N.

[3] Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T: Các tài liệu mà cấp sơ thẩm thu thập được thể hiện bị cáo T mắc bệnh tâm thần phân liệt mạn tính, có hồ sơ điều trị của Bệnh viện tâm thần tỉnh N. Trong phần nhận định về tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo T, bản án sơ thẩm cũng xác định bị cáo T mắc bệnh tâm thần. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo T cung cấp Giấy chứng nhận sức khoẻ tâm thần số 423/GCN-BVTT ngày 26/10/2022 của Bệnh viện tâm thần tỉnh N, xác định bị cáo mắc bệnh tâm thần mạn tính. Căn cứ vào các tài liệu nêu trên thấy có căn cứ nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của bị cáo T. Đây là một trong các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định được quy định tại khoản 1 Điều 206 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng không tiến hành giám định pháp y tâm thần đối với bị cáo T là vi phạm nghiêm trọng quy định vừa viện dẫn và điểm đ khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP ngày 22/12/2017. Do đó, cần thiết phải huỷ phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo T của bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo N phải nộp 200.000 đồng, bị cáo T không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị N. Giữ nguyên phần quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Thị N của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017),

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị N 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 20/01/2021 đến ngày 29/01/2021.

[2] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T. Huỷ phần quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đức T của Bản án hình sự sơ thẩm số 82/2022/HS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị N phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng; bị cáo Nguyễn Đức T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Khoa